TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIẾN XƯƠNG** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/DS-ST
Ngày: 31/12/2020
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIẾN XƯƠNG, TỈNH THÁI BÌNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Minh Huệ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Tuấn Vũ

Bà Đoàn Thị Duyên

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Nguyễn Thu Ngoan - Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Kiến Xương.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình*** *tham gia phiên tòa*: Bà Bùi Thị Thu Hường - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2020/TLST-DS ngày 06/10/2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2020/QĐXXST- DS ngày 10/12/2020, giữa các đương sự:

1.*Nguyên đơn*: Bà **Bùi Thị S**, sinh năm 1949

2.*Bị đơn*: Chị **Nguyễn Thị D,** sinh năm 1971

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Anh **Trần Xuân H**, sinh năm 1957 (chồng chị Nguyễn Thị D)

Người đại diện theo ủy quyền của anh Trần Xuân H là chị: Nguyễn Thị D

Đều ở địa chỉ: thôn T, xã S, huyện X, tỉnh Thái Bình

(bà S, chị D và anh Hợi đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 11/8/2020, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Bùi Thị S trình bày: Năm 2017, bà có cho chị D vay tiền, cụ thể như sau: lần 1: ngày 01/9/2017 (âm lịch) tức ngày 20/10/2017 dương lịch bà cho chị D vay 10.000.000 đồng, lần 2: ngày 08/11/2017 (âm lịch) tức ngày 26/12/2017 bà cho chị D vay 5.000.000 đồng. Ngày 15/12/2017 âm lịch tức ngày 31/01/2018 dương lịch, chị D trả cho bà 5.000.000 đồng tiền gốc và lãi của khoản vay lần 2, cùng ngày chị D hỏi bà vay 10.000.000 đồng, bà đồng ý cho vay và nói với chị D bà chỉ có 3.400.000 đồng và 5.000.000 đồng chị D vừa trả, tổng là 8.400.000 đồng, số tiền 1.600.000 đồng còn thiếu tháng sau bà lĩnh lương sẽ đưa sau, nếu đồng ý thì bà viết sổ, để chị D ký, chị D đồng ý nên bà viết vào sổ với nội dung: " Ngày 15/12 (âm lịch) 2017 cô D thuê 10.000.000 đồng chẵn (Mười triệu động chẵn) lãi xuất 1% người cho thuê (Bùi Thị S), người thuê (Nguyễn Thị D) ký và ghi rõ họ tên" (lần 3). Sau đó để thuận tiện cho việc theo dõi, bà và chị D đã thống nhất cộng lần vay thứ nhất với lần vay thứ ba thành 20.000.000 đồng, nên đã ghi: "Ngày 15/12 (âm lịch) 2017 cô D thuê 20.000.000 đồng chẵn lãi xuất 1% (Hai mươi triệu động chẵn) người cho thuê (Bùi Thị S), người thuê (Nguyễn Thị D) ký và ghi rõ họ tên". Sau khi các bên ký, bà đã gạch chéo nội dung ghi lần vay 1, 2, 3, ghi chữ " chuyển" ở lần vay 1,3 (bút lục 25, 27), bà cũng đã đưa cho chị D số tiền còn thiều 1.600.000 đồng. Các lần bà cho chị D vay không có ai chứng kiến, có ghi sổ, có chữ ký của các bên. Tất cả những người vay tiền của bà khi trả bà đều gạch chéo vào nội dung ghi khi cho vay đồng thời ghi chữ " đã trả" hoặc" trả xong", việc này được chứng minh qua quyển sổ bà giao nộp cho Tòa án. Năm 2019 bà yêu cầu chị D trả số tiền 20.000.000 đồng chị D nói chưa có, đến tháng 3/2020 bà tiếp tục yêu cầu chị D trả số tiền này chị D nói đã trả vào ngày 06/02/2018 âm lịch. Bà khẳng định chị D chưa trả cho bà 20.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi đã vay vào ngày 15/12/2017 âm lịch vì bà

chưa gạch sổ, cũng chưa ghi chữ " đã trả". Nay bà yêu cầu chị D phải trả cho bà số tiền 20.000.000 đồng tiền gốc, bà không yêu cầu trả các khoản lãi đối với số tiền này.

Bị đơn chị Nguyễn Thị D trình bày: Chị thừa nhận có vay bà S 3 lần với tổng số tiền 20.000.000 đồng, cụ thể như sau: lần 1 vào đầu tháng 10 năm 2017 âm lịch vay 6.000.000 đồng, có ký nhận vào sổ của bà S; lần 2 vào đầu tháng 11/2017 âm lịch vay 4.000.000 đồng, không ký nhận vào sổ của bà S; lần 3 vào tháng 12/2017 âm lịch vay 10.000.000 đồng, bà S cộng dồn ba lần bằng 20.000.000 đồng nên đã ghi nội dung như bà S cung cấp cho Tòa án, chị ký nhận vào sổ của bà S dưới mục người thuê, lãi suất 1%, thời hạn vay không kỳ hạn, mục đích vay về lo cưới cho con riêng của chị là Nguyễn Ngọc H; chữ ký dưới mục người thuê đề ngày 01/9/2017 (âm lịch) và ngày 08/11/2017 (âm lịch) cũng là của chị. Sau khi vay chị có nói với chồng chị là anh Trần Xuân H nên anh Hợi ghi vào sổ của gia đình. Ngày 06/02/2018 (âm lịch) tức ngày 22/3/2018 dương lịch con trai chị được trả lại tiền do phá vỡ hợp đồng lao động đi nước ngoài nên chị đã trả cho bà S số tiền này, khi trả tiền không có ai chứng kiến, bà S không viết giấy biên nhận cho chị nhưng chị trực tiếp nhìn thấy bà S ghi chữ " đã trả" và gạch chéo một đường vào nội dung bà S ghi vào ngày 15/12/2017 (âm lịch) còn lý do vì sao tài liệu do bà S giao nộp không có chữ " đã trả" và không gạch chéo chị không giải thích được, chị không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của bà S.

Chị và anh Hợi kết hôn vào năm 2010, cả hai đều đã có con riêng, chỗ ở riêng nên về kinh tế của ai người đó quản và tự lo chi tiêu. Số tiền chị vay của bà S để lo cho con riêng của chị nên là nợ riêng, không liên quan đến anh Hợi do đó anh không phải có trách nhiệm trả nợ cùng chị.

Bà Bùi Thị S không đồng ý với lời khai của chị D, bà có cho chị D vay 6.000.000 đồng và 4.000.000 đồng nhưng đó là vào năm 2015 (âm lịch) bà đều ghi sổ và chị D có ký, cụ thể: " Ngày 15/8/2015 âm lịch cô D vay 4.000.000 đồng (loại tiền vay 200.000 x 20 tờ), người thuê D ký" và " Ngày 13/10/2015 (âm lịch) cô D thuê 6.000.000 đồng chẵn, người thuê D ký", chị D đã trả hai khoản vay này nên bà gạch chéo (bút lục 29).

Ngoài ra chị D khai bà có gạch chéo và ghi chữ " đã trả" số tiền 20.000.000 đồng, đó là vào năm 2016 âm lịch chị D có vay của bà số tiền 50.000.000 đồng, ngày 30/9/2016 âm lịch chị D trả 24.000.000 đồng, đến ngày 12/10/2016 âm lịch chị D trả 6.000.000 đồng, còn nợ lại 20.000.000 đồng, khi chị D trả hết số tiền này bà đã ghi chữ (trả xong) và gạch chéo (bút lục 29).

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Xuân H trình bày: Anh và chị D đăng ký kết hôn vào năm 2010, cả hai đều có con riêng và nhà riêng, kinh tế của ai người đó quản. Năm 2017 âm lịch chị D có làm lễ cưới cho con riêng, anh cũng đến và giúp chị lo công việc, chị có nói với anh vay của bà S 20.000.000 đồng nên anh có ghi vào sổ để chị D theo dõi cùng với tiền mừng, còn các lần vay khác anh không biết. Khi con trai chị D được công ty trả lại tiền anh có giục chị D trả cho bà S còn chị có trả không và trả vào thời gian nào anh không biết. Chị D vay tiền để lo cho con riêng nên chị có trách nhiệm tự trả, không liên quan đến anh.

Ông Vũ Mạnh H sinh năm 1948 (là chồng của bà S) trình bày: Số tiền bà S cho chị D vay là tài sản riêng, ông không biết cũng không liên quan đến việc cho vay, đề nghị Tòa án không đưa ông vào tham gia tố tụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương phát biểu quan điểm:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 71,72 và 73 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị chập nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà S, buộc chị D phải trả cho bà S số tiền 20.000.000 đồng, ghi nhận sự tự nguyện của bà S về việc không yêu cầu chị D trả tiền lãi đối với khoản vay trên.

Về án phí: Bà S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, chị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về thủ tục tố tụng*:

[1] Bà Bùi Thị S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị D phải trả 20.000.000 đồng, mặc dù tài liệu bà cung cấp ghi là " thuê" song căn cứ vào nội dung thỏa thuận giữa các bên, đối chiếu với quy định tại Điều 463 và Điều 472 Bộ luật Dân sự cần xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", các đương sự có hộ khẩu thường trú tại xã S, huyện Kiến Xương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân huyện Kiến Xương tham gia phiên tòa là đúng với quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung vụ án*:

[3] Về thời gian vay và số tiền vay: Bà S và chị D khai không thống nhất về các lần vay, nhưng thống nhất về lần vay cuối cùng và tổng số tiền đã vay là 20.000.000 đồng. Chị D cho rằng vay tổng số tiền 20.000.000 đồng thành ba lần 6.000.000 đồng, 4.000.000 đồng và 10.000.000 đồng. Qua xem xét sổ ghi chép do bà S cung cấp thì số tiền 6.000.000 đồng và 4.000.000 đồng bà S cho chị D vay vào năm 2015 âm lịch mà không phải là năm 2017 âm lịch như chị D khai. Do đó khẳng định bà S cho chị D vay 20.000.000 đồng thành hai lần: là ngày ngày 01/9/2017 (âm lịch) tức ngày 20/10/2017 dương lịch và ngày 15/12/2017 âm lịch tức ngày 31/01/2018 dương lịch như lời khai của bà S là đúng.

[4] Về thời hạn vay và lãi suất: Các bên đều thừa nhận cho vay không kỳ hạn, lãi suất 1%/ tháng. Xét thấy mức lãi suất này phù hợp với Điều 468 Bộ luật dân sự, nên được chấp nhận.

[5] Về việc trả nợ: Chị D cho rằng đã trả số tiền 20.000.000 đồng cho bà S nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh. Việc chị thừa nhận vay tiền của bà S nhiều lần, các lần trả bà S đều gạch sổ; chữ ký và chữ viết " D, Nguyễn Thị D" dưới mục người thuê ghi ngày 15/12 (âm lịch) 2017, không có chữ " đã trả", chưa gạch chéo là của chị, chứng tỏ chị chưa trả 20.000.000 đồng cho bà S.

[6] Về nghĩa vụ trả nợ: Mặc dù chị D và anh Hợi là vợ chồng nhưng độc lập về kinh tế, chị D vay tiền của bà S để lo cho con riêng nên chị phải có trách nhiệm trả số tiền đã vay. Từ những phân tích trên, căn cứ vào Điều 466 và Điều 469 Bộ luật dân sự cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc chị D phải trả cho bà S số tiền 20.000.000 đồng như ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên là đúng với quy định của pháp luật. Ghi nhận sự tự nguyện của bà S về việc không yêu cầu trả lãi.

[7] Về án phí: Bà S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Chị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các điều 463, 466, 469 Bộ luật dân sự;

- Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị S: Buộc chị Nguyễn Thị D phải trả cho bà Bùi Thị S số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà S về việc không yêu cầu trả tiền lãi.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải chịu 1.000.000 (một triệu) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi

hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Thị Minh Huệ

***Nơi nhận*:**
- *VKSND huyện Kiến Xương;*
- *Chi cục THADS huyện Kiến Xương;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu: hồ sơ, vp.*